

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CN
TỈNH CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 5 - 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CN, TỈNH CM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông: Bùi Hữu Khánh

Ông: Nguyễn Văn Mầm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện CN, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018. Về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Cao Bé M - Sinh năm 1982 (Có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phần Thạnh, xã Thạnh Ph, huyện CN, tỉnh CM.

- Bị đơn: Chị Thái Kiều O - Sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Phần Thạnh, xã Thạnh Ph, huyện CN, tỉnh CM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Về hôn nhân: Anh Cao bé M và chị Thái Kiều O kết hôn với nhau vào ngày 27 tháng 4 năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM. Sau khi kết hôn, anh M và chị O chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì P sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến không hòa thuận. Sau khi xảy ra mâu thuẫn gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn Nhưng anh M và chị O không thể chung sống hạnh phúc. Anh M và chị O đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh Cao Bé M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Thái Kiều O.

- *Về con chung*: Anh M và chị O có với nhau 02 người con chung tên là Cao Minh Nh, sinh ngày 28 – 02 – 2008 và Cao Đức P, sinh ngày 02 – 02 - 2011, hiện nay con đang sống chung với anh M. Sau khi ly hôn anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh M không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh M xác định trong thời gian chung sống anh và chị O không có tài sản chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh M xác định trong thời gian chung sống anh và chị O không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH

[1] Tranh chấp giữa anh Cao Bé M và chị Thái Kiều O là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Chị O có địa chỉ tại ấp Phần Thạnh, xã Thạnh Ph, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Anh M và chị O kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện CN, tỉnh CM. Do đó, hôn nhân của anh M và chị O là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh M và chị O thực sự có xảy ra trong thời gian dài, không thể hàn gắn được, anh M và chị O đã sống ly thân với nhau từ tháng 01 năm 2018. Tại phiên tòa, anh M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị O. Chị O không tham gia phiên tòa, không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của anh M.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh M có quyền yêu cầu giải quyết việc ly hôn. Yêu cầu của anh M đã được Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM thụ lý giải quyết theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và pháp luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện CN, tỉnh CM tiến hành hòa giải tại Tòa án theo quy định tại Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, chị O đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và triệu tập chị O hợp lệ đến lần thứ hai với nội dung triệu tập chị O đến Tòa án nhân dân huyện CN để tham gia tố tụng tại phiên tòa Nhưng chị O vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện CN căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị O. Chị O không đến Tòa án để hòa

giải và tham dự phiên tòa, cho thấy chị O không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh M đối với chị O là phù hợp với quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Hội đồng xét xử xét thấy đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Cao Minh Nh và Cao Đức P đã trên 07 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, sau khi vợ chồng ly hôn Tòa án xem xét nguyện vọng của các con mà giao cho người vợ hay người chồng trực tiếp nuôi. Hiện tại cháu Nh và cháu P đang sống chung với anh M ổn định về đời sống và tâm lý. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03 – 5 – 2018 đối với Cao Minh Nh và Cao Đức P của Tòa án nhân dân huyện CN, cháu Nh và cháu P trình bày nguyện vọng sau khi anh M và chị O ly hôn các cháu muốn được sống với cha là anh M, đây là ý chí tự nguyện của cháu Nh và cháu P nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh M xác định trong thời gian anh và chị O chung sống không có tài sản chung, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh M xác định trong thời gian anh và chị O chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị, anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Chị O vắng mặt không có ý kiến về tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét.

Nếu sau này giữa các bên đương sự có P sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh M phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Cao Bé M được ly hôn với chị Thái Kiều O.

Về con chung: Giao cháu Cao Minh Nh, sinh ngày 28 – 02 – 2008 và Cao Đức P, sinh ngày 02 – 02 – 2011 cho anh Cao Bé M tiếp tục nuôi, chị Thái Kiều O không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Cao Bé M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Anh M có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004125 ngày 30 – 01 – 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CN, sau khi đối trừ anh M nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Thái Kiều O không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Cao Bé M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Thái Kiều O có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện CN;
- Chi cục THADS huyện CN;
- Phòng GD-KT TAT;
- Đường sự;
- UBND xã Thanh Ph, huyện CN;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn A Đam